

BỘ Y TẾ  
HỘI NGHỊ QUỐC GIA VỀ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH HIV/AIDS

## **Bộ chỉ số quốc gia về HIV/AIDS**

*TS. Nguyễn Thanh Long  
Phó Cục trưởng  
Cục Phòng, Chống HIV/AIDS Việt Nam*



### **Nội dung trình bày**

1. Phần I. Căn cứ xây dựng Bộ chỉ số
2. Phần II. Mục đích xây dựng Bộ chỉ số
3. Phần III. Bộ chỉ số quốc gia về HIV/AIDS (theo Quyết định số 04-2007/QĐ-BYT ký ngày 15/1/2007)
4. Phần IV. Các bước tiếp theo



## PHẦN I. CĂN CỨ XÂY DỰNG BỘ CHỈ SỐ

1. Chính phủ Việt Nam đã cam kết thực hiện nguyên tắc “Ba Thống nhất” do Liên Hiệp Quốc khởi xướng vào tháng 4 năm 2004, đó là:
  - Thống nhất một khung hành động phòng chống HIV/AIDS, tạo cơ sở cho công tác điều phối các hoạt động của tất cả các đối tác;
  - Thống nhất một cơ quan điều phối phòng chống AIDS cấp quốc gia với phương châm hoạt động liên ngành;
  - Thống nhất một hệ thống theo dõi và đánh giá cấp quốc gia.
2. Chiến lược Quốc gia Phòng chống HIV/AIDS đến năm 2010, tầm nhìn 2020

## PHẦN II. MỤC ĐÍCH

1. Tạo cơ sở nền tảng cho hoạt động theo dõi đánh giá dịch HIV tại Việt Nam;
2. Cung cấp những số liệu bằng chứng giúp cho việc hoạch định chính sách phòng chống HIV hiệu quả;
3. Thúc đẩy việc sử dụng hiệu quả chương trình theo dõi và đánh giá để cải thiện hệ thống báo cáo tại tất cả các cấp;
4. Bảo đảm minh bạch trong việc sử dụng nguồn lực;

## PHẦN II. MỤC ĐÍCH (tiếp)

---

5. Sử dụng số liệu thu thập được để theo dõi tiến trình thực hiện dựa trên những mục tiêu mà UNGASS và Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ đề ra;
6. Hướng dẫn việc thu thập các thông tin chiến lược từ nhiều nguồn khác nhau;
7. Xác định những thông tin thiếu hụt hiện thời và cách thức thu thập những thông tin thiếu hụt đó;
8. Đưa ra hướng dẫn quản lý số liệu hiệu quả.

## Phần III. Bộ chỉ số quốc gia về HIV/AIDS

# TÓM TẮT

## 1. 54 chỉ số được chia thành 3 nhóm

- Nhóm 1: Nâng cao năng lực, nguồn lực, TD-ĐG
    - 19 chỉ số
    - Thuộc 2 chương trình hành động: 4, 9
  - Nhóm 2: Dự phòng
    - 24 chỉ số
    - Thuộc 4 chương trình hành động : 1, 2, 7, 8
  - Nhóm 3: Chăm sóc và điều trị
    - 11 chỉ số
    - Thuộc 3 chương trình hành động: 3, 5, 6
2. Mỗi nhóm chỉ số đều có mục tiêu đánh giá và các chỉ số tương ứng



7

## Nhóm 1 Nâng cao năng lực, nguồn lực, TD-ĐG

### Câu hỏi chính

- Đánh giá thực trạng tình hình xây dựng và triển khai các chương trình hành động theo Chiến lược Quốc gia Phòng, chống HIV/AIDS
- Đánh giá cơ cấu hoạt động của các cơ quan phòng chống HIV, kể cả cơ chế phối hợp liên ngành cấp quốc gia và cấp tỉnh, thành phố có tốt không?
- Đánh giá ngân sách đã chi tiêu hàng năm cho công tác phòng, chống HIV/AIDS là bao nhiêu?
- Đánh giá tình hình nguồn nhân lực tại trung ương và địa phương (tỉnh, thành phố) cho công tác phòng, chống HIV/AIDS?
- Đánh giá hệ thống theo dõi và đánh giá hoạt động như thế nào?
- Đánh giá tình hình dịch HIV hiện tại ở Việt Nam như thế nào?



8

## Nhóm 1

### Nâng cao năng lực, nguồn lực, TD-ĐG

#	Chỉ số	Mục đích
1	Thực trạng của 8 chương trình hành động (được soạn thảo, hoàn chỉnh, dự trù kinh phí, có ngân sách, và được triển khai thực hiện)	Đánh giá tình hình xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình hành động theo Chiến lược Quốc gia Phòng chống HIV/AIDS
2	Chỉ số Hợp phần Chính sách Quốc gia	Đánh giá tiến độ xây dựng và thực thi các chiến lược và chính sách phòng, chống HIV/AIDS cấp quốc gia
3	Tỷ lệ phần trăm các bộ-ngành và đoàn thể quần chúng có kế hoạch, ngân sách và báo cáo hàng năm.	Đánh giá mức độ đáp ứng của các bộ ngành, đoàn thể trong công tác phòng, chống HIV/AIDS
4	Tỷ lệ phần trăm các tỉnh, thành phố có kế hoạch, ngân sách và báo cáo hàng năm	Đánh giá mức độ đáp ứng của các tỉnh, thành phố trong công tác phòng, chống HIV/AIDS

## Nhóm 1

#	Chỉ số	Mục đích
5	Tổng ngân sách cấp trung ương chi cho các chương trình phòng, chống HIV/AIDS	Đánh giá chi phí từ trung ương cho công tác phòng, chống HIV/AIDS
6	Tổng ngân sách cấp cấp địa phương chi cho các chương trình phòng, chống HIV/AIDS	Đánh giá chi phí từ địa phương cho công tác phòng, chống HIV/AIDS
7	Tổng chi từ nguồn viện trợ quốc tế cho các chương trình phòng, chống HIV/AIDS	Đánh giá chi phí từ nguồn viện trợ quốc tế cho công tác phòng, chống HIV/AIDS
8	Tổng chi từ khu vực tư nhân cho các chương trình phòng, chống HIV/AIDS	Đánh giá chi phí từ khu vực tư nhân cho công tác phòng, chống HIV/AIDS
9	Tổng chi do người dân tự chi trả cho các hoạt động chăm sóc và điều trị HIV/AIDS	Đánh giá chi phí người dân tự chi trả cho các hoạt động chăm sóc và điều trị HIV/AIDS

## Nhóm 1

#	Chỉ số	Mục đích
10	Tỷ suất chi giữa tất cả các nguồn cho các chương trình dự phòng và các chương	Đánh giá chi phí tương quan giữa chương trình dự phòng và chăm sóc điều trị
11	Chi phí bình quân đầu người cho các chương trình phòng, chống HIV/AIDS trong một năm	So sánh tổng chi cho các chương trình phòng chống HIV/AIDS của Việt Nam với các quốc gia khác
12	Số cán bộ chuyên trách làm việc trong lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS	Đánh giá cam kết nguồn lực nhân lực từ trung ương đến tuyến cơ sở
13	Số cán bộ chuyên trách được tập huấn về phòng, chống HIV/AIDS hàng năm	Đánh giá tiến độ thực hiện kế hoạch xây dựng năng lực
14	Tỷ lệ các trường có giáo viên được đào tạo và giảng dạy về giáo dục về HIV dựa trên các kỹ năng sống trong năm học vừa qua	Đánh giá tiến độ triển khai giáo dục về HIV dựa trên các kỹ năng sống tại tất cả các trường



DA NANG-VIET NAM-2007

11

## Nhóm 1

#	Chỉ số	Mục đích
15	Chỉ số Hợp phần Chính sách Quốc gia	Đánh giá những yêu cầu cơ bản của hệ thống Theo dõi và Đánh giá tuyến trung ương
16	Tỷ lệ phần trăm đơn vị Theo dõi và Đánh giá tuyến tỉnh được vận hành	Đánh giá những yêu cầu cơ bản của hệ thống Theo dõi và Đánh giá tuyến tỉnh
17	Tỷ lệ hiện nhiệm ước tính trong các quần thể đích	Đánh giá tiến độ thực hiện nhằm giảm các trường hợp mắc HIV trong các nhóm quần thể
18	Tỷ lệ hiện nhiệm (%) HIV ước tính tại Việt Nam (theo tuổi và giới)	Đánh giá tiến độ thực hiện nhằm giảm các trường hợp mắc HIV
19	Đánh giá tiến độ thực hiện nhằm giảm các trường hợp mắc HIV	Số trường hợp nhiễm HIV, AIDS và tử vong do AIDS (theo tuổi và giới) theo báo cáo



DA NANG-VIET NAM-2007

12

## NHÓM 2: DỰ PHÒNG

### Câu hỏi chính

- Đánh giá kiến thức và nhận thức của người dân về HIV/AIDS hiện nay như thế nào?
- Đánh giá mức độ kỳ thị và phân biệt đối xử liên quan đến người nhiễm HIV/AIDS như thế nào?
- Đánh giá xu hướng hành vi nguy cơ HIV tăng hay giảm trong quần thể chung, đặc biệt là trong nhóm thanh thiếu niên?
- Đánh giá xu hướng hành vi nguy cơ HIV tăng hay giảm trong các quần thể có hành vi nguy cơ?
- Đánh giá độ bao phủ của chương trình giảm hại cho các nhóm nguy cơ cao (người nghiện chích ma túy, người bán dâm, nam quan hệ tình dục đồng giới) đến đâu?
- Đánh giá tỷ lệ nhiễm các nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục trong các quần thể đích là bao nhiêu?

## NHÓM 2: DỰ PHÒNG

### Câu hỏi chính (tiếp)

- Đánh giá tình hình tiếp cận và chất lượng các dịch vụ chẩn đoán và điều trị STI cho các quần thể nguy cơ cao như thế nào và các dịch vụ đó có đạt tiêu chuẩn hay không?
- Đánh giá nguy cơ lây nhiễm HIV qua con đường truyền máu ở Việt Nam hiện nay như thế nào?
- Đánh giá sự sẵn có, độ bao phủ và việc sử dụng các dịch vụ VCT?
- Đánh giá mức độ sẵn có và độ bao phủ các dịch vụ dự phòng lây nhiễm từ mẹ sang con đến mức nào?
- Đánh giá việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ PLTMC của những người có nhu cầu?
- Đánh giá xem liệu các dịch vụ PLTMC có phòng ngừa lây truyền từ mẹ sang con một cách hiệu quả không?

## NHÓM 2: DỰ PHÒNG

#	Chỉ số	Mục đích
20	Tỷ lệ phần trăm những người trong độ tuổi 15-24 và 15-49 xác định được đúng cách phòng ngừa lây nhiễm HIV và phân đối những quan niệm sai lầm phổ biến về lây nhiễm HIV	Đánh giá tiến độ việc thực hiện chương trình nâng cao kiến thức cần thiết về lây truyền HIV ở những người trong độ tuổi 15-49
21	Tỷ lệ phần trăm những người trong quần thể nguy cơ cao xác định được đúng cách phòng ngừa lây nhiễm HIV và phân đối những quan niệm sai lầm phổ biến về lây nhiễm HIV	Đánh giá tiến độ việc thực hiện chương trình nâng cao kiến thức cần thiết về lây truyền HIV ở những người trong quần thể nguy cơ cao
22	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi 15-49 có thái độ tích cực đối với người nhiễm HIV	Đánh giá thái độ của người dân đối với người nhiễm HIV

## NHÓM 2

#	Chỉ số	Mục đích
23	Tỷ lệ phần trăm người trong độ tuổi 15-24 và 15-49) có quan hệ tình dục với bạn tình ngoài hôn nhân, không cùng chung sống trong 12 tháng vừa qua	Đánh giá tiến độ trong việc giảm tỷ lệ những người trẻ tuổi trong độ tuổi 15-49 có hành vi tình dục nguy cơ cao
24	Tỷ lệ phần trăm nam giới cho biết có quan hệ tình dục với người bán dâm trong 12 tháng qua	Đánh giá tình hình nam giới có hành vi tình dục nguy cơ
25	Tỷ lệ phần trăm người bán dâm cho biết có sử dụng bao cao su với khách hàng gần đây nhất	Đánh giá tiến độ phòng ngừa phơi nhiễm HIV trong nhóm người bán dâm có quan hệ tình dục không được bảo vệ với khách hàng
26	Tỷ lệ phần trăm người bán dâm cho biết hàng luôn sử dụng bao cao su với khách hàng trong tháng vừa qua	Đánh giá tiến độ phòng ngừa phơi nhiễm HIV trong nhóm người bán dâm có quan hệ tình dục không được bảo vệ với khách hàng

## NHÓM 2

#	Chỉ số	Mục đích
27	Tỷ lệ phần trăm người bán dâm tiêm chích ma túy trong tháng vừa qua	Đánh giá tiến độ phòng ngừa phơi nhiễm HIV trong nhóm người bán dâm tiêm chích ma túy
28	Tỷ lệ phần trăm người nghiện chích ma túy có sử dụng chung bơm kim tiêm trong tháng vừa qua	Đánh giá tiến độ phòng ngừa phơi nhiễm HIV trong nhóm nghiện chích ma túy có hành vi sử dụng chung bơm kim tiêm
29	Tỷ lệ phần trăm người nghiện chích ma túy cho biết có sử dụng bao cao su trong lần quan hệ tình dục gần đây nhất	Đánh giá tiến độ phòng ngừa phơi nhiễm HIV trong nhóm nghiện chích ma túy có quan hệ tình dục không được bảo vệ
30	Tỷ lệ phần trăm nam giới cho biết có sử dụng bao cao su trong lần quan hệ tình dục gần đây nhất với bạn tình nam giới qua đường hậu môn	Đánh giá tiến độ phòng ngừa phơi nhiễm HIV trong nhóm nam có quan hệ tình dục qua đường hậu môn không được bảo vệ với bạn tình nam giới

## NHÓM 2

#	Chỉ số	Mục đích
31	Tỷ lệ phần trăm các huyện thực hiện chương trình phân phát và/hoặc trao đổi bơm kim tiêm	Đánh giá sự sẵn có các chương trình giảm hại cho nhóm NCMT
32	Tỷ lệ phần trăm các huyện thực hiện các chương trình khuyến khích sử dụng bao cao su cho nhóm người bán dâm	Đánh giá sự sẵn có các chương trình giảm hại cho nhóm người bán dâm
33	Số điểm thực hiện các chương trình điều trị thay thế	Đánh giá sự sẵn có các chương trình giảm hại
34	Tỷ lệ phần trăm nam và nữ thanh niên tuổi từ 15-24 biết được nơi cung cấp/phân phát bao cao su	Đánh giá kiến thức về dự phòng HIV/AIDS

## NHÓM 2

#	Chỉ số	Mục đích
35	Tỷ lệ phần trăm những người trong quần thể có nguy cơ cao được tiếp cận với các chương trình giảm hại trong 6 tháng qua	Đánh giá tiến độ thực hiện chương trình giảm hại dành cho các quần thể nguy cơ cao
36	Tỷ lệ hiện nhiễm các nhiễm khuẩn qua đường tình dục trong các quần thể đích	Theo dõi tỷ lệ hiện nhiễm các nhiễm khuẩn qua đường tình dục trong các quần thể đích, bao gồm cả phụ nữ mang thai
37	Tỷ lệ phần trăm những người trong quần thể nguy cơ cao tiếp cận được dịch vụ chẩn đoán và điều trị các nhiễm khuẩn qua đường tình dục	Đánh giá việc tiếp cận các dịch vụ chẩn đoán và điều trị các nhiễm khuẩn qua đường tình dục
38	Tỷ lệ phần trăm nam và nữ giới mắc các nhiễm khuẩn qua đường tình dục tại các cơ sở y tế được chẩn đoán, điều trị và tư vấn phù hợp	Đánh giá chất lượng các dịch vụ chẩn đoán, điều trị và tư vấn các nhiễm khuẩn qua đường tình dục



19

## NHÓM 2

#	Chỉ số	Mục đích
39	Tỷ lệ phần trăm các đơn vị máu được sàng lọc HIV theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế trong 12 tháng qua	Đánh giá an toàn trong truyền máu
40	Tỷ lệ phần trăm các huyện cung cấp dịch vụ tư vấn xét nghiệm tự nguyện đạt chuẩn quốc gia	Đánh giá sự sẵn có và độ bao phủ các dịch vụ tư vấn xét nghiệm tự nguyện
41	Số lượng người tự nguyện xét nghiệm HIV và nhận được kết quả xét nghiệm trong 12 tháng qua	Đánh giá việc sử dụng các dịch vụ tư vấn xét nghiệm tự nguyện
42	Tỷ lệ phần trăm những người tự nguyện xét nghiệm, được tư vấn trước và sau xét nghiệm và nhận kết quả xét nghiệm HIV trong 12 tháng qua	Đánh giá việc sử dụng các dịch vụ tư vấn xét nghiệm tự nguyện
43	Tỷ lệ phần trăm những người trong quần thể có nguy cơ cao được xét nghiệm HIV và nhận kết quả xét nghiệm trong 12 tháng qua	Đánh giá tiến độ thực hiện việc xét nghiệm và tư vấn HIV cho quần thể có nguy cơ cao



## NHÓM 3: CHĂM SÓC VÀ ĐIỀU TRỊ

### Câu hỏi chính

- Đánh giá mức độ sẵn có và độ bao phủ của các dịch vụ chăm sóc và điều trị cần thiết đến mức nào?
- Đánh giá việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc và điều trị cần thiết ở những người có nhu cầu?
- Đánh giá hiệu quả của các dịch vụ chăm sóc và điều trị trong việc cải thiện chất lượng cuộc sống, kéo dài sự sống và phòng ngừa kháng thuốc không?
- Đánh giá sự phối hợp giữa chương trình phòng chống HIV và phòng chống lao để giảm gánh nặng bệnh tật “kép” hay không?

## NHÓM 3: CHĂM SÓC VÀ ĐIỀU TRỊ

#	Chỉ số	Mục đích
44	Số lượng và tỷ lệ phần trăm các huyện có ít nhất một cơ sở cung cấp gói dịch vụ PLTMC	Đánh giá sự sẵn có của các dịch vụ PLTMC
45	Số lượng và tỷ lệ phần trăm phụ nữ có thai được tư vấn, xét nghiệm HIV để PLTMC và nhận được kết quả xét nghiệm	Đánh giá việc sử dụng các dịch vụ PLTMC
46	Số lượng và tỷ lệ phần trăm các trường hợp cả mẹ mang thai nhiễm HIV và con của họ được điều trị dự phòng ARV hoàn chỉnh nhằm giảm nguy cơ lây truyền từ mẹ sang con	Đánh giá tiến độ thực hiện công tác phòng ngừa lây truyền HIV từ mẹ sang con thông qua điều trị dự phòng ARV

## NHÓM 3

#	Chỉ số	Mục đích
47	Tỷ lệ phần trăm trẻ sơ sinh sinh ra từ mẹ nhiễm HIV bị nhiễm HIV	Đánh giá tiến độ thực hiện chương trình PLTMC tiến đến loại bỏ lây truyền HIV từ mẹ sang con
48	Tỷ lệ phần trăm các huyện có ít nhất một cơ sở y tế công (thuộc hệ thống Bộ Y tế) cung cấp ART	Đánh giá sự sẵn có các chương trình ART tại các cơ sở y tế công
49	Tỷ lệ phần trăm các huyện cung cấp gói điều trị, chăm sóc và hỗ trợ HIV/AIDS toàn diện theo chuẩn quốc gia	Đánh giá sự sẵn có của dịch vụ chăm sóc, điều trị, hỗ trợ toàn diện HIV/AIDS
50	Số trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, cơ sở không trực thuộc Bộ Y tế cung cấp dịch vụ điều trị ARV	Đánh giá sự sẵn có của dịch vụ điều trị ARV tại trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng và cơ sở không trực thuộc Bộ Y tế

## NHÓM 3

#	Chỉ số	Mục đích
51	Tỷ lệ phần trăm những người nhiễm HIV đủ tiêu chuẩn điều trị được điều trị bằng liệu pháp điều trị phối hợp ARV	Đánh giá tiến độ thực hiện cung cấp liệu pháp điều trị phối hợp ARV cho tất cả bệnh nhân AIDS
52	Tỷ lệ tiếp tục điều trị theo phác đồ bậc 1 tại thời điểm 6 tháng, 12 tháng và 24 tháng sau khi điều trị	Đánh giá việc tiếp tục điều trị theo phác đồ bậc 1 của bệnh nhân
53	Tỷ lệ sống sót vào thời điểm 6 tháng, 12 tháng và 24 tháng sau khi bắt đầu điều trị	Đánh giá tỷ lệ sống sót
54	Tỷ lệ phần trăm người có HIV được điều trị và chăm sóc HIV cũng được sàng lọc các triệu chứng lao (TB/HIV-1, 2)	Đánh giá tiến độ thực hiện nhằm làm giảm tác động của lao đối với những người nhiễm HIV

## Phần 4. Các bước tiếp theo

## Các bước tiếp theo

1. **Xây dựng phương pháp, bộ công cụ thu thập số liệu**
2. **Thu thập số liệu cơ bản cho Bộ chỉ số TD-ĐG chương trình HIV quốc gia**
3. **Thành lập Nhóm kỹ thuật cho Tổng điều tra quốc gia**
4. **Xây dựng và củng cố hệ thống TD-ĐG từ trung ương tới địa phương**
5. **Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ TD-ĐG tại các tuyến về:**
  - Lập kế hoạch và quản lý
  - Dịch tễ học và phương pháp nghiên cứu
  - Phân tích và quản lý số liệu
  - Vận động chính sách
  - Biểu mẫu báo cáo mới, hệ thống báo cáo trực tuyến
  - Kỹ năng xét nghiệm

## Các bước tiếp theo

6. **Xây dựng, thử nghiệm và hoàn thiện trang web và phần mềm để thu thập và lưu trữ số liệu quốc gia**
7. **Phân tích số liệu và viết báo cáo tổng hợp:**
  - Báo cáo hàng năm về chỉ số quốc gia
  - Báo cáo UNGASS cho giai đoạn 2005-2008
  - Báo cáo phân tích tổng hợp quốc gia cho giai đoạn 2005-2010
8. **Sử dụng thông tin để lập kế hoạch, cải thiện chương trình và xây dựng chính sách**

## Kế hoạch thu thập số liệu

Thu thập số liệu	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Báo cáo định kỳ	•	•	•	•	•	•
Điều tra cơ bản về HIV	•	•	•	•	•	•
Điều tra cơ bản về STI	•	•	•	•	•	•
Điều tra lồng ghép huyết thanh học và hành vi		•		•		•
Điều tra KABP trong nhóm người 15-49 tuổi	•		•			•
Điều tra kinh phí quốc gia cho chương trình HIV/AIDS			•			•
Đánh giá đặc biệt của BYT về tiến trình thực hiện Chiến lược quốc gia	•	•	•	•	•	•

